**Lời nhận xét giữa kì 2 môn Tiếng Việt tiểu học theo Thông tư 27**

**Mức đạt được: T (Tốt)**

1. Đọc to, rõ ràng, lưu loát. Câu văn ngắn gọn, dễ hiểu.  
   → Con đọc to, rõ ràng và lưu loát. Câu văn trình bày ngắn gọn, dễ hiểu.
2. Đọc to, rõ ràng, viết đúng chính tả. Diễn đạt câu văn gãy gọn, dễ hiểu.  
   → Viết đúng chính tả, đọc rõ ràng. Câu văn diễn đạt mạch lạc, dễ hiểu.
3. Chữ viết đều, đẹp. Hiểu nội dung bài nhanh.  
   → Viết chữ đều và đẹp. Nắm bắt nhanh nội dung bài học.
4. Nắm vững vốn từ và đặt câu đúng. Viết văn lưu loát.  
   → Biết sử dụng vốn từ đúng cách, viết câu chuẩn. Diễn đạt mạch lạc.
5. Biết tìm từ và đặt câu đúng, biết sử dụng vốn từ phong phú để viết thành câu, đoạn văn ngắn.  
   → Có khả năng tìm từ, đặt câu đúng. Dùng từ phong phú khi viết câu, đoạn văn ngắn.
6. Bài viết sạch sẽ, trình bày đẹp, chữ viết rõ ràng.  
   → Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ nét, bài viết gọn gàng.
7. Viết chính tả chính xác. Chữ viết đều, đúng nét, trình bày sạch đẹp, đúng quy định. Kĩ năng nói và viết tốt.  
   → Chính tả chuẩn xác, trình bày đẹp, chữ đều nét. Nói và viết thành thạo.
8. Con đọc lưu loát, tìm hiểu bài tốt. Chữ con viết sạch, đẹp, rõ ràng.  
   → Đọc lưu loát, hiểu bài nhanh. Viết chữ sạch đẹp và rõ ràng.
9. Con đọc bài to, rõ ràng. Chữ viết sạch sẽ, câu văn gãy gọn và có hình ảnh hay.  
   → Đọc bài to rõ, chữ viết sạch. Diễn đạt bằng câu văn gãy gọn, có hình ảnh sinh động.
10. Đọc hiểu tốt, chữ viết rõ ràng, viết được đoạn văn đúng yêu cầu.  
    → Nắm tốt nội dung bài, chữ viết rõ. Viết đúng yêu cầu đoạn văn.
11. Con đọc bài lưu loát, diễn cảm, chữ viết đúng độ cao. Vốn từ phong phú.  
    → Đọc lưu loát và diễn cảm. Chữ viết đúng độ cao, dùng từ phong phú.
12. Câu văn có hình ảnh phong phú, cảm xúc chân thành. Giọng đọc tốt, chữ viết cẩn thận.  
    → Câu văn sinh động, cảm xúc rõ nét. Đọc diễn cảm, chữ viết gọn gàng.
13. Tiếp thu bài tốt, đọc, viết thành thạo, viết chữ rõ ràng. Viết đoạn văn có hình ảnh hay.  
    → Tiếp thu nhanh, đọc viết tốt, chữ rõ ràng. Viết đoạn văn sinh động.
14. Chữ viết đẹp. Hoàn thành tốt nội dung môn học. Viết đoạn văn hay, sinh động.  
    → Viết chữ đẹp. Nắm tốt nội dung môn học. Đoạn văn sinh động, hấp dẫn.
15. Viết chính tả chính xác. Chữ viết đều, đúng nét, trình bày sạch đẹp, đúng quy định; Kĩ năng nói và viết tốt. Câu văn có hình ảnh hay và diễn cảm.  
    → Chính tả đúng, trình bày rõ ràng, chữ đều nét. Nói viết tốt, câu văn giàu hình ảnh và cảm xúc.

**Mức đạt được: H (Hoàn thành nhưng cần cố gắng hơn)**

1. Chưa tập trung trong học tập, kỹ năng viết bị hạn chế, cần rèn chữ nhiều hơn.  
   → Cần chú ý học tập hơn, chữ viết cần rèn luyện thêm do kỹ năng viết còn hạn chế.
2. Con đọc to, rõ ràng. Cần chú ý luyện viết cẩn thận hơn nhé.  
   → Đọc bài to rõ, con nên chú ý viết cẩn thận hơn.
3. Con đọc bài tương đối tốt, câu văn có hình ảnh hay, chữ viết có nhiều tiến bộ.  
   → Đọc khá tốt, câu văn sinh động. Chữ viết tiến bộ rõ rệt.
4. Hoàn thành nội dung môn học. Cần rèn đọc, viết đúng các âm, chữ viết chưa rõ ràng.  
   → Đã hoàn thành môn học. Cần luyện đọc viết chính xác hơn, chữ viết chưa rõ nét.
5. Chữ viết trình bày sạch đẹp, câu văn có hình ảnh hay. Tuy nhiên con cần viết đúng độ cao của các chữ đã học.  
   → Bài trình bày đẹp, câu có hình ảnh. Con cần chú ý viết đúng độ cao chữ.
6. Chữ viết chưa đẹp, kĩ năng đọc thành thành thạo, rèn thêm lối dùng từ để kĩ năng viết đạt hiệu quả hơn.  
   → Kĩ năng đọc tốt, tuy nhiên cần rèn chữ và cách dùng từ để viết hiệu quả hơn.
7. Chữ viết chưa đẹp, còn sai nét, trình bày bài chưa khoa học. Ngắt nghỉ câu văn chưa đúng vị trí. Diễn đạt văn viết, văn nói còn hạn chế. Con cần cố gắng nhiều hơn ở cuối HKII.  
   → Viết chữ chưa đúng, trình bày chưa hợp lý. Diễn đạt còn yếu, cần cố gắng hơn ở cuối học kỳ.
8. Chữ viết sạch sẽ, trình bày bài khoa học. Con cần hăng hái hơn trong giờ học.  
   → Bài trình bày sạch đẹp. Cần tích cực tham gia học hơn.
9. Chữ viết chưa đúng mẫu, trình bày vở chưa đẹp. Con cần cố gắng nhiều hơn.  
   → Chữ chưa đúng mẫu, trình bày còn yếu. Cần nỗ lực hơn nữa.
10. Đọc khá lưu loát chữ viết còn chưa đều đẹp cần rèn viết nhiều hơn nắm vững kiến thức để áp dụng thực hành khá tốt. Biết dùng từ đặt câu.  
    → Đọc lưu loát, viết chưa đều đẹp. Cần luyện thêm để áp dụng kiến thức và dùng từ đặt câu đúng.
11. Kĩ năng đọc tương đối tốt. Chữ viết chưa đẹp, chưa đúng độ cao còn tẩy xóa nhiều. Rèn thêm chữ viết và cách trình bày.  
    → Đọc khá ổn, viết chưa đẹp, độ cao chữ chưa đúng. Cần luyện viết và trình bày.
12. Đọc to, rõ ràng hơn so với đầu năm, chữ viết đẹp, đều nét. Tuy nhiên con cần rèn luyện viết văn nhiều hơn để câu văn gãy gọn có hình ảnh.  
    → Tiến bộ rõ trong đọc và viết chữ, tuy nhiên cần luyện thêm để viết câu rõ và sinh động.
13. Chữ viết chưa đúng cỡ quy định, đọc còn nhỏ, trả lời câu hỏi còn lúng túng. Con cần cố gắng nhiều hơn ở cuối HKII.  
    → Viết chưa đúng cỡ, đọc còn nhỏ tiếng. Trả lời còn ngập ngừng. Cần nỗ lực hơn ở cuối kỳ.
14. Chữ viết trình bày sạch đẹp. Tuy nhiên, con đọc bài còn nhỏ, chưa tập trung chú ý vào bài. Chưa biết cách dùng từ đặt câu, bố cục câu văn lủng củng. Con cần cố gắng nhiều hơn ở cuối HKII.  
    → Viết sạch đẹp nhưng đọc nhỏ, chưa chú ý vào bài. Câu văn còn lủng củng, cần cố gắng hơn vào cuối học kỳ.
15. Chữ viết chưa đúng mẫu, đọc còn hay vấp. Kĩ năng viết văn chưa thành thạo, cần rèn luyện thêm.  
    → Chưa viết đúng mẫu, đọc còn vấp. Cần luyện thêm để viết văn thành thạo.
16. Con cần viết đúng mẫu chữ và rèn viết chữ mềm mại hơn.  
    → Viết cần đúng mẫu và rèn luyện chữ mềm mại hơn.

**Mức đạt được: C (Chưa hoàn thành)**

1. Chưa hoàn thành nội dung môn học.  
   → Nội dung môn học chưa được hoàn thành.